

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 5436/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 76/GP-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn;

Theo Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 26/10/2022 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1107/TTr-STNMT ngày 21/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn thực hiện, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò là 11,8ha và diện tích phê duyệt trữ lượng là 10,4ha được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại Phụ lục 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122: 632.625m³.

3. Hệ số nở rời đất san lấp: 1,199.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt:

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo của Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp theo cấp 122: 632.625m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC I
TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG
SẢN TẠI XÃ TÂY THUẬN, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Bình Định)

I. Tọa độ khu vực thăm dò:

Hệ tọa độ VN-2000 (KTT 108°15', múi chiếu 3°)		
Điểm	X(m)	Y(m)
1	1.546.664	563.428
2	1.546.506	563.047
3	1.546.261	563.250
4	1.546.390	563.562
5	1.546.545	563.511
Diện tích 11,8 ha		

II. Tọa độ khu vực phê duyệt trữ lượng:

Hệ tọa độ VN-2000 (KTT 108°15', múi chiếu 3°)		
Điểm	X(m)	Y(m)
1	1.546.655	563.407
2	1.546.506	563.047
3	1.546.261	563.250
4	1.546.417	563.537
Diện tích 10,40ha		

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI XÃ TÂY THUẬN, HUYỆN
TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng (m²)	Cosα	Trữ lượng cấp 122 (m³)
1	QN1-122	+35,8	5,45	30.610	0,992	168.170
2	QN2-122	+36,1	6,06	36.030	0,989	220.770
3	QN3-122	+39,0	6,49	37.360	0,995	243.685
Tổng trữ lượng đất san lấp cấp 122						632.625

